TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15-5-2020 Về việc "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Nữa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 13 ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lữ Văn D, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị X, sinh năm 1954 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Lữ Văn D trình bày:* Ông và bà Lê Thị X tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau,

trong hôn nhân không đạt được hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Nay ông thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị X.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị X có 05 người con chung tên Lữ Quốc K, sinh năm 1973, Lữ Thanh L, sinh năm 1975, Lữ Mộng Q, sinh năm 1976, Lữ Thanh M, sinh năm 1978 và Lữ Mộng T, sinh năm 1980. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 16/01/2020 bà Lê Thị X trình bày: Bà và ông Lữ Văn D chung sống với nhau vào năm 1972, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong thời gian chung sống bà với ông D vẫn bình thường không có mâu thuẫn hay cự cãi. Bà vẫn thương yêu và lo cho ông D nhưng do ông D nhiều lần có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Mặc dù, ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng bà xác định bà vẫn còn thương ông D nên bà không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ.

Về con chung: Bà và ông Lữ Văn D có có 05 người con chung tên Lữ Quốc K, sinh năm 1973, Lữ Thanh L, sinh năm 1975, Lữ Mộng Q, sinh năm 1976, Lữ Thanh M, sinh năm 1978 và Lữ Mộng T, sinh năm 1980. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ lật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lữ Văn D với bà Lê Thị X.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lữ Văn D khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị X địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà X.

[2] Về nội dung: Ông Lữ Văn D và bà Lê Thị X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1972, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông D và bà X là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông D xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, trong hôn nhân không đạt được hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Bà X xác định trong quá trình chung sống giữa bà X và ông D không có mâu thuẫn mà do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên bà X không đồng ý ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2020 chính quyền địa phương cho biết địa phương cũng có nghe nói ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác tuy nhiên từ trước đến nay bà X không yêu cầu địa phương giải quyết và địa phương cũng không có lập biên bản, ngoài ra thì giữa bà X và ông D có mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm. Mặc dù bà X và địa phương xác định ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng đó chỉ là lời trình bày mang tính chủ quan, bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Đồng thời, tại phiên tòa ông D xác định không còn tình cảm với bà X và kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mẫu thuẫn giữa ông D và bà X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của ông D là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lữ Văn D về việc xin ly hôn với bà Lê Thị X. Cho ông Lữ Văn D ly hôn với bà Lê Thị X (ông D và bà X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2014 ngày 25/9/2014).

Về con chung: Ông Lữ Văn D và bà Lê Thị X có 05 người con chung tên Lữ Quốc K, sinh năm 1973, Lữ Thanh L, sinh năm 1975, Lữ Mộng Q, sinh năm 1976, Lữ Thanh M, sinh năm 1978 và Lữ Mộng T, sinh năm 1980. Hiện các con chung

đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lữ Văn D được miễn theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm ông Lữ Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lữ Văn D về việc xin ly hôn với bà Lê Thị X.

Cho ông Lữ Văn D ly hôn với bà Lê Thị X (ông D và bà X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2014 ngày 25/9/2014).

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lữ Văn D được miễn theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm ông Lữ Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An Đông;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi